

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 19 - 9 - 2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn.

2. Bà Dương Thị Vui.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025. Về vụ án kiện xin ly hôn và giải quyết con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N - Sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm F, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn K - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Xóm A, xã R, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị N vắng mặt, trong đơn khởi kiện và lời khai của chị N tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Chị kết hôn với anh Trần Văn K vào tháng 11/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã R, tỉnh Ninh Bình). Sau khi được cấp đăng kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và anh K không quan tâm gì đến

chị, do đó chị đã về nhà ngoại tại xã N (nay là xã Q tỉnh Ninh Bình) để ở nhờ. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2019, trong thời gian vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K là không còn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn K.

Về con chung: Chị Bùi Thị N xác định giữa chị và anh K có một con chung là cháu Trần Bùi Duy M, sinh ngày 13/3/2017. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu M đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu anh K đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị N xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn K vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh K nhưng anh K vắng mặt và anh có nhờ bố mẹ đẻ anh là bà Trần Thị B và ông Trần Văn K1 làm việc với Tòa án và tại các buổi làm việc thể hiện: Vào năm 2016 được sự nhất trí của chính quyền địa phương gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương cho anh K và chị N sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở cùng gia đình bà một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã N (nay là xã Q tỉnh Ninh Bình) để ở. Trong thời gian vừa qua gia đình có nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình thông báo việc chị N có đơn xin ly hôn anh K, do anh K bận không về để nhận trực tiếp những văn bản tố tụng của của Tòa án nên gia đình đã nhận thay và đã thông báo cho anh K đầy đủ, anh có nhờ bà báo cáo với Tòa án quan điểm của anh về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị N xin ly hôn anh thì anh không muốn ly hôn nhưng chị N nhất quyết xin ly hôn anh thì tùy chị N.

Về con chung giữa: Anh K xác định giữa anh và chị N có một con chung là cháu Trần Bùi Duy M, sinh ngày 13/3/2017. Hiện cháu D đang do chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi cháu M và không yêu cầu anh phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N thì anh nhất trí.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Bùi Minh D trình bày: Từ khi bố mẹ ly thân cháu ở với mẹ cháu. Bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Hôn nhân giữa chị N và anh K là hôn nhân tiền bộ, hợp pháp. Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vợ chồng ly thân nhiều năm. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh K không còn nên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Văn K; Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Duy M, sinh ngày 13/3/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn K đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã R tỉnh Ninh Bình). Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11 – Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh K và được Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị N vắng mặt nhưng chị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn K vắng mặt nhưng anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh K là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Văn K vào tháng 11 năm 2016 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã R tỉnh Ninh Bình) cấp đăng ký kết hôn là một hôn nhân tự do, tiền bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến cãi chửi nhau do không thể hàn

gắn chị N đã phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ. Vợ chồng chị N anh K đã sống ly thân nhau từ năm 2019 trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Anh K có quan điểm không muốn vợ chồng ly hôn nhưng nếu chị N nhất quyết xin ly hôn thì tùy chị N, anh không có ý kiến gì. Xét việc xin ly hôn của chị N và quan điểm của anh K: Thấy vợ chồng ly thân nhiều năm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, khả năng đoàn tụ là không còn mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn anh K nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị N và anh Trần Văn K đều thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Bùi Duy M, sinh ngày 13/3/2017. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu M đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị N xin trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh K phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình, anh K có quan điểm nhất trí với yêu cầu của chị N. Xét việc xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng mình của chị N và quan điểm giải quyết con chung của anh K thấy là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, bản thân cháu M có nguyện vọng xin ở với mẹ vì vậy được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Bùi Thị N và anh Trần Văn K đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân là phù hợp.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Trần Văn K.

2- Về con chung: Xử giao con chung là cháu Trần Bùi Duy M, sinh ngày 13/3/2017 cho chị Bùi Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Văn K không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0000114 ngày 4

18/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Ninh Bình. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân Tỉnh.
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã Rạng Đông.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích